

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v Ly hôn giữa chị X và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Hải

2. Ông Nguyễn Xuân Quỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Chúc X, sinh năm 1994; Trú tại: Ấp 8, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

*Bị đơn:* Anh Lữ Minh T, sinh năm 1992; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Chúc X trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Vào khoảng năm 2012, do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Lữ Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra bất hòa. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài được nên đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay chị X xin được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Có 01 con chung: Cháu Lữ Thành N, sinh ngày 28/7/2012.

Chị X yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhân đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có

*Về nghĩa vụ chung:* Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Lữ Minh T vắng mặt không rõ lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Chúc X và anh Lữ Minh T.

*Về nuôi con chung:* Giao cháu Lữ Thành N, sinh ngày 28/7/2012 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung:* Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có phát sinh tranh chấp.

*Về án phí Hôn nhân và gia đình:* Chị X phải chịu án phí theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn anh Lữ Minh T vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị X và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị X và anh T là hợp pháp. Chị X xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra bất hòa và sống ly thân. Khi sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị X nộp đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, chị X cương quyết

xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T, anh T tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, chị X xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung: Cháu Lữ Thành N, sinh ngày 28/7/2012. Chị X yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhân đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ lúc sống ly thân, cháu Nhân đang sống ổn định bên chị X và đang học trường ở gần nhà. Hiện tại, chị X cũng có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi cháu Nhân đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Mặt khác, cháu Nhân có nguyện vọng được chung sống với chị X. Quá trình sống ly thân, anh T không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con chung. Chính vì vậy, để ổn định sự phát triển bình thường về mặt tâm lý và thuận tiện trong việc chăm sóc nên cần thiết tiếp tục cho cháu Nhân sống ổn định như ban đầu. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nhân cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung*: Chị X xác định không có nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh T về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Do đó, cần tách tài sản chung và nghĩa vụ chung ra giải quyết thành một vụ kiện khác khi có tranh chấp.

[3] *Án phí*: Nguyên đơn chị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Chúc X và anh Lữ Minh T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Lữ Thành N, sinh ngày 28/7/2012 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với anh T. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp

nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị Chúc X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013216 ngày 09 tháng 7 năm 2020 thành tiền án phí. Công nhận chị X đã nộp xong.

5. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Hải**

**Nguyễn Xuân Quỳ**

**Võ Minh Phụng**

**Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND thị trấn Cờ Đỏ;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Minh Phụng**